



HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA NÔNG HỘ THAM GIA HỢP ĐỒNG SẢN XUẤT LÚA HỮU CƠ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP XÃ PHONG HIỀN, HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Huỳnh Bảo Châu*, Nguyễn Hoàng Diễm My, Bùi Dũng Thế,
Trần Huỳnh Quang Minh, Hoàng Bảo Đức

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Trần Huỳnh Bảo Châu <thbchau@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 15-1-2024; Ngày chấp nhận đăng: 19-3-2024)

Tóm tắt. Nghiên cứu khảo sát ngẫu nhiên 85 hộ trồng lúa hữu cơ theo hình thức hợp đồng sản xuất ở xã Phong Hiền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Phương pháp hạch toán kinh tế và hồi quy phân vị được áp dụng nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế của nông hộ và ảnh hưởng của các yếu tố đến doanh thu hằng năm ở các mức phân vị khác nhau. Kết quả cho thấy, lợi nhuận bình quân hằng năm của hộ là 0,709 triệu đồng/ sào. Tỷ suất doanh thu trên tổng chi phí ở các vụ lớn hơn 1 cho thấy nông hộ đang có lãi và khả năng sinh lời là 17%. Ngoài ra, công lao động gia đình trung bình mang lại 179 nghìn đồng lợi nhuận/ sào. Kết quả hồi quy ở mức phân vị 75% cho thấy, doanh thu cả năm của hộ chịu ảnh hưởng tích cực bởi yếu tố học vấn và tương tác giữa quy mô sản xuất và lao động gia đình. Để nâng cao hiệu quả kinh tế, điều quan trọng là hộ cần kết hợp sử dụng và phân bổ tốt các khoản chi phí, tối ưu chi phí mua phân hữu cơ, kết hợp tốt giữa quy mô sản xuất và sử dụng công lao động gia đình. Nghiên cứu đóng góp bằng chứng thực nghiệm ủng hộ phát triển quy hoạch vùng sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Từ khóa: hiệu quả kinh tế, hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ, nông hộ, tỉnh Thừa Thiên Huế

The economic efficiency of organic rice contract farming: case study in Phong Hien commune, Phong Dien district, Thua Thien Hue province

Tran Huynh Bao Chau*, Nguyen Hoang Diem My, Bui Dung The,
Tran Huynh Quang Minh, Hoang Bao Duc

University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Tran Huynh Bao Chau <thbchau@hueuni.edu.vn>

(Received: January 15, 2024; Accepted: March 19, 2024)

Abstract. A random survey of 85 farmers engaging in organic rice contract farming was conducted in Phong Hien Commune, Phong Dien District, Thua Thien Hue Province. The economic accounting and quantile regression methods are applied to quantify the economic efficiency of households and the factors that affect annual revenue in the various quantiles. The findings show that the average annual profit of farmers is 0.709 million VND/ 500 m². The revenue-to-total cost ratio in all cropping seasons is greater than 1, indicating that farmers are profitable and their profit margin is 17%. Moreover, an average family labor contribution generates a profit of 179 thousand VND/ 500 m². The results of quantile regression at 75% show that the annual revenue of households is positively affected by two factors: education and the interaction of cultivated area and family labor cost. Improving the economic efficiency of farming household hinges on their ability to effectively utilize and allocate expenses, optimize the costs of purchasing organic fertiliser, and harmonizing production scale with labor utilization sourced from within the family. This research contributes empirical evidence in support of planning the development of organic rice production in Thua Thien Hue Province.

Keywords: economic efficiency, organic rice contract farming, farmers, Thua Thien Hue Province

1 Đặt vấn đề

Nông nghiệp hữu cơ (NNHC) là hệ thống quản lý sản xuất toàn diện nhằm đẩy mạnh và tăng cường sức khỏe của hệ sinh thái nông nghiệp, nhấn mạnh việc quản lý hoạt động canh tác, giảm thiểu việc dùng vật tư, nguyên liệu đầu vào từ bên ngoài cơ sở và có tính đến điều kiện từng vùng, từng địa phương [1]. Sản phẩm được cấp chứng nhận hữu cơ minh chứng cho độ an toàn của sản phẩm. Năm 2017, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành bộ tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041 dựa trên việc các tiêu chuẩn quốc tế như chứng nhận USDA, EU Organic, JAS – Japanese Agricultural Standards System, ... Hiện nay, các tổ chức ở Việt Nam có năng lực chứng nhận hữu cơ đạt TCVN 11041 và được Cục Chăn nuôi – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) cấp phép hoạt động gồm có FAO, TQC CGLOBAL, NHO – National Health Organization, TNV CERT, VinaControl CE, ... Năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và Nghị định số 109/2018/NĐ-CP nhằm khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và phát triển NNHC tại Việt Nam [2, 3]. Tuy nhiên, công tác triển khai NNHC theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP vẫn còn chậm. Đến năm

2020, Đề án phát triển NNHC giai đoạn 2020–2030 được phê duyệt theo Quyết định số 885/QĐ-TTg nhằm phát triển nền NNHC có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. NNHC đã và đang nhận được sự quan tâm từ phía Đảng và Nhà nước cũng như các doanh nghiệp, người sản xuất, người tiêu dùng khi yêu cầu về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường ngày càng tăng [4], đặc biệt là vấn đề sản xuất gạo hữu cơ [5, 6]. Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, giá gạo 5% tấm xuất khẩu của Việt Nam đạt 653 USD/tấn bằng với giá gạo của Thái Lan; gạo 25% tấm đạt 633 USD/tấn trong khi gạo cùng loại của Thái Lan chỉ đạt 589 USD/ tấn [7]. Kết quả này cho thấy, chất lượng gạo của Việt Nam ngày càng được đánh giá cao trên thị trường xuất khẩu. Để đạt được kết quả trên đòi hỏi các doanh nghiệp cần xây dựng mối quan hệ hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nhằm nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị, sức cạnh tranh của gạo xuất khẩu cũng như gạo trong nước.

Tỉnh Thừa Thiên Huế đã thông qua Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND về chủ trương phát triển hoạt động sản xuất NNHC và cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021–2025 và Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND. Kết quả thu được, tổng diện tích sản xuất hữu cơ và theo hướng hữu cơ của tỉnh ở vụ Đông Xuân năm 2022–2023 là 1.354,7 ha [8]. Trong đó, diện tích sản xuất lúa hữu cơ tăng nhiều nhất, từ 353,3 ha năm 2018 lên 1.105,2 ha ở vụ Đông Xuân 2022–2023 [8]. Để đạt được kết quả trên không thể không nhắc đến vai trò của hợp tác, liên kết trong sản xuất lúa hữu cơ thông qua hợp đồng sản xuất giữa các nông hộ và các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm hữu cơ trên địa bàn. Tổng quan các nghiên cứu trước đây cho thấy, 98% nông hộ tham gia thực hiện theo hợp đồng hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế [9]. Diện tích sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy và xã Phú Lương, huyện Phú Vang dao động từ 40–50% tổng diện tích lúa của nông hộ [9, 10]. Khác với các địa phương trên, xã Phong Hiền, huyện Phong Điền thực hiện dồn điền, đổi thửa nhằm quy hoạch vùng đất liền khoảng phục vụ chuyển đổi sang canh tác lúa hữu cơ từ năm 2016. Sau khi quy hoạch, địa phương tiến hành tổ chức bốc thăm lựa chọn nông hộ tham gia. Với cách thức triển khai này, nông hộ tham gia phải tiến hành chuyển đổi toàn bộ diện tích đất sản xuất lúa truyền thống sang lúa hữu cơ. Đến năm 2020, thương hiệu gạo hữu cơ Phong Điền do các hộ dân xã Phong Hiền sản xuất, thông qua đại diện là hợp tác xã nông nghiệp (HTX NN) An Lỗ được tổ chức chứng nhận và kiểm nghiệm FAO cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn gạo hữu cơ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-2:2017, được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh công nhận đạt tiêu chuẩn 4 sao OCOP.

Gạo hữu cơ Phong Điền cam kết “5 không” gồm có: Không thuốc diệt cỏ; Không sử dụng phân bón hóa học; Không sử dụng giống biến đổi gen; Không sử dụng chất kích thích sinh trưởng; Không sử dụng thuốc trừ sâu có nguồn gốc hóa học”. Đến tháng 6 năm 2023, gạo hữu cơ Phong Điền được tổ chức FAO cấp chứng nhận lại cho thấy, HTX NN An Lỗ và các hộ nông dân đã tuân thủ nghiêm ngặt quy trình canh tác giúp giữ vững chất lượng các yếu tố đầu vào như môi trường đất, nước, sản phẩm đầu ra đảm bảo tiêu chuẩn hữu cơ. Do đó, cần thực hiện một nghiên cứu chuyên sâu để hạch toán hiệu quả kinh tế của nông hộ khi tiến hành chuyển đổi toàn bộ diện tích

canh tác lúa. Nghiên cứu này đóng góp ở một số phương diện sau: (i) phân tích hiệu quả kinh tế của sản xuất lúa hữu cơ theo hình thức hợp đồng để nâng cấp giá trị từ cây lúa cho người nông dân trong bối cảnh sản xuất lúa Thừa Thiên Huế đóng vai trò quan trọng ở khu vực miền Trung, (ii) chưa có nhiều nghiên cứu sử dụng hàm hồi quy phân vị trong phân tích các nhân tố tác động tới kết quả sản xuất lúa hữu cơ theo hình thức hợp đồng. Trên cơ sở các kết quả đạt được, nghiên cứu đề xuất những giải pháp hỗ trợ kịp thời giúp người dân tiếp tục duy trì hợp đồng canh tác, nâng cao hiệu quả kinh tế và thúc đẩy tiềm năng mở rộng trong tương lai.

2 Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Trong bối cảnh tự do hóa thương mại và mở rộng thị trường kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, nếu để từng hộ cá thể tiếp cận với thị trường cung ứng là điều không thể, đặc biệt là với hoạt động sản xuất lúa hữu cơ. Lúa hữu cơ được trồng theo quy trình tự nhiên, không sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học và được chăm sóc bằng phân vi sinh hữu cơ theo quy trình hiện đại nhất, cho ra hạt gạo chất lượng cao nhất với hàm lượng dinh dưỡng tốt nhất. Để sản xuất lúa hữu cơ đòi hỏi cần tuân thủ một số yêu cầu về điều kiện sản xuất. Đất canh tác là đất sạch, không chứa dư lượng chất hóa học vượt quá mức quy định, nằm trong khu vực không bị tác động bởi chất thải công nghiệp hay các khu vực ô nhiễm. Nguồn nước tưới không bị ô nhiễm, đảm bảo thời gian chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ tối thiểu là 12 tháng. Nguyên vật liệu đầu vào như giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học phải được đảm bảo [1]. Ngoài ra, lúa hữu cơ cần đáp ứng thêm các yêu cầu về sơ chế, chế biến, đóng gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển. Do đó, giá thành gạo hữu cơ cao hơn so với những loại gạo thông thường khác trên thị trường [11]. Việc triển khai phát triển hình thức hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ là một giải pháp thích hợp giúp phát triển nông nghiệp theo hướng thị trường [12]. Tính bền vững của hợp đồng canh tác lúa hữu cơ sẽ được duy trì nếu hệ sinh thái được đảm bảo, mang lại lợi nhuận và được xã hội chấp nhận [13, 14].

Theo tổ chức Nông lương thế giới (FAO), hợp đồng canh tác là một thỏa thuận giữa nông dân và các công ty chế biến, tiếp thị để sản xuất và cung cấp sản phẩm nông nghiệp theo các thỏa thuận về kỳ hạn với mức giá định trước [13]. Để hợp đồng canh tác được bền vững, yếu tố lợi nhuận cần được đảm bảo cho các đối tượng tham gia [15]. Hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ thường đặt ra yêu cầu cụ thể về giống lúa, các quy định nghiêm ngặt về tiêu chuẩn sản xuất và đảm bảo chất lượng kiểm định. Khi chưa có hợp đồng canh tác, doanh nghiệp cần đầu tư thuê đất và nhân công để có nguồn cung nguyên liệu đảm bảo, kiểm soát được số lượng, đảm bảo tính nhất quán của sản phẩm nhằm phát huy giá trị thương hiệu. Khi ký hợp đồng sản xuất với nông dân, doanh nghiệp sẽ không phải đầu tư chi phí thuê đất sản xuất và nhân công [16] mà chỉ cần hỗ trợ nông dân thông qua việc cung cấp đầu vào và tư vấn kỹ thuật [17]. Nông dân tham gia có cơ hội tiếp cận với nhiều loại đầu vào và dịch vụ mà trước đây họ không thể tự tiếp cận [16], đảm bảo công bằng hơn, giá mua nguyên liệu thô có lợi hơn, và tiêu chuẩn chất lượng cao hơn [18]. Nông dân cam kết cung cấp sản phẩm đáp ứng về số lượng, tiêu chuẩn chất lượng do người mua xác định và doanh nghiệp cam kết hỗ trợ nông dân sản xuất và mua hàng hóa [13, 16].

Việc phát huy thế mạnh sản xuất và xuất khẩu lúa gạo, chẳng hạn tại khu vực Châu Á, thường dựa trên các tiếp cận về: (i) mở rộng diện tích sản xuất lúa như trường hợp của Thái Lan, quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới [19] hoặc (ii) nâng cao năng suất lúa, được nhận định mang lại nhiều giá trị hơn là mở rộng diện tích như trường hợp của Việt Nam [20]. Đặc biệt, việc áp dụng hợp đồng canh tác tại các quốc gia này đều mang lại hiệu quả kinh tế cho nông hộ khi giúp sản phẩm của nông dân liên kết được với các thị trường tiềm năng, gia tăng thu nhập và cơ hội việc làm lên gấp đôi so với những hộ không tham gia hợp đồng [21]. Hợp đồng canh tác giúp nông hộ Thái Lan tìm kiếm đầu ra tốt hơn, tiếp cận được công nghệ và tín dụng cũng như các yếu tố đầu vào, giảm rủi ro về giá [16]. Các thông tin về giống lúa, sản lượng và giá thành được nêu rõ ràng trong hợp đồng canh tác tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận với các giống mới, kỹ thuật sản xuất hiện đại và hệ thống giám sát canh tác phù hợp. Ngoài ra, giá được xác định trước nên có thể bảo vệ nông dân khỏi bị thua lỗ do rủi ro biến động giá giảm. Kết quả này đã được khẳng định lại ở Indonesia khi nông dân tham gia hợp đồng canh tác rất coi trọng thuộc tính giá [22]. Tại Ấn Độ, năng suất lúa hữu cơ đạt được thấp hơn nhưng với mức giá tốt hơn nên nông hộ nhận được lợi ích khi tham gia hợp đồng [23].

Ở Việt Nam, lợi ích khi tham gia hợp đồng sản xuất được khẳng định là đảm bảo giá đầu ra, thu nhập ổn định [24, 25], tác động tích cực đến thu nhập, tính bền vững và phúc lợi trong trung và dài hạn [26]. Sản xuất lúa hữu cơ có chi phí lao động cao chiếm khoảng 50% tổng chi phí sản xuất [10] và chi phí bón phân hữu cơ chiếm gần 50% tổng chi phí là những yếu tố khiến người nông dân ngần ngại chuyển đổi sản xuất [5]. Nếu xem xét trong ngắn hạn thì hợp đồng canh tác lúa hữu cơ có thể không mang lại lợi nhuận cao. Tuy nhiên, khi liên kết với doanh nghiệp, mối liên kết về các dịch vụ đầu vào, đầu ra và giá lúa hữu cơ tốt hơn lúa thông thường [9], hiệu quả tài chính của nông hộ cao hơn [27, 9]. Nguyên nhân được xác định là do giảm chi phí nên lợi nhuận gia tăng, đồng thời còn giúp nông dân sản xuất tốt hơn và an toàn hơn [27]. Hiệu quả kinh tế, nhận thức của nông dân và triển vọng về thị trường là các yếu tố ảnh hưởng đến ý định của nông hộ trong việc mở rộng quy mô sản xuất lúa hữu cơ [28].

Bên cạnh các lợi ích, vẫn tồn tại các rào cản ảnh hưởng sự tham gia hợp đồng. Tình trạng vi phạm hợp đồng vẫn diễn ra xuất phát từ phía doanh nghiệp và người dân. Ở Campuchia, nông dân không tham gia lâu dài bởi các quy định sản xuất nghiêm ngặt, hình phạt nặng nề, hạn chế về các dịch vụ khuyến nông, và thiếu thông tin về các điều khoản trong hợp đồng [29]. Nông dân phải lệ thuộc vào doanh nghiệp trong tất cả khâu từ chọn giống, kỹ thuật canh tác đến kiểm định chất lượng lúa trước khi tiêu thụ. Họ trở thành người làm công trên mảnh đất của mình khi quyền định giá thuộc về doanh nghiệp [15]. Khi giá thị trường cao, giá thu mua của doanh nghiệp vẫn không đổi do giá cả thu mua đã được định trước mỗi vụ hoặc khi sản phẩm không đảm bảo được tiêu chuẩn, doanh nghiệp sẽ từ chối thu mua. Bên cạnh đó, doanh nghiệp tập trung bán các yếu tố đầu vào như hạt giống, phân bón hữu cơ hơn thu mua sản phẩm [25], chậm thanh toán tiền cho nông dân [24] làm người dân không mặn mà với hình thức hợp đồng canh tác. Tình trạng này đã xảy ra ở tỉnh Quảng Bình khi tỷ lệ phá vỡ hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ lên đến 28,2% [30] trong khi ở tỉnh Thừa Thiên Huế là 2% [9].

Tỉnh Thừa Thiên Huế có khí hậu khá khắc nghiệt, mùa khô nóng ẩm và mùa mưa ẩm lạnh, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa. Tuy nhiên, lợi nhuận khi tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn được khẳng định cao hơn 2.476.000 đồng/ha/vụ so với lúa vô cơ trong thời gian đầu triển khai và năng suất lúa hữu cơ có xu hướng tăng qua các năm [10]. Hợp đồng canh tác là một phương tiện tổ chức sản xuất nông nghiệp ở quy mô lớn và nhỏ [13] và việc hình thành tổ hợp tác giữa các nông hộ giúp chia sẻ lợi ích công bằng giữa doanh nghiệp và hộ dân [29]. Hiệu quả bao tiêu lúa hữu cơ theo hợp đồng đạt khoảng 80% do doanh nghiệp chỉ thu mua sản lượng nhất định theo hợp đồng đã ký kết [9]. Lượng lúa hữu cơ còn lại hộ gia đình tự tiêu thụ hoặc để gia đình sử dụng. Hiện nay, vẫn chưa có nghiên cứu nào ở tỉnh Thừa Thiên Huế đánh giá hiệu quả kinh tế hình thức hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ khi chuyển đổi toàn bộ diện tích canh tác lúa của nông hộ như xã Phong Hiền, huyện Phong Điền. Bên cạnh đó, HTX NN An Lỗ bao tiêu toàn bộ quy trình sản xuất lúa hữu cơ liệu có giúp nông dân tiếp tục duy trì sản xuất lúa hữu cơ theo hợp đồng là câu hỏi cần giải quyết trong bối cảnh hiện nay. Kết quả nghiên cứu giúp chính quyền địa phương, người dân có thêm minh chứng về hiệu quả kinh tế khi tiếp tục duy trì và mở rộng mô hình canh tác ở các địa phương khác trong tương lai.

3 Phương pháp nghiên cứu

3.1 Phương pháp điều tra, thu thập số liệu

Thừa Thiên Huế bắt đầu chuyển đổi sang NNHC từ năm 2011 với đối tác là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) NNHC Quế Lâm. Sở NN & PTNT tỉnh hỗ trợ tem điện tử QR code từ năm 2018 nhằm liên kết chặt chẽ người dân, người kinh doanh và người tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu truy xuất nguồn gốc thực phẩm. Các chuỗi sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn và bền vững dần được hình thành đặc biệt là liên kết giữa nông hộ trồng lúa hữu cơ và các doanh nghiệp thông qua đại diện là các HTX NN hay tổ hợp tác như HTX NN Phù Bài, thị xã Hương Thủy với 100 ha, HTX NN An Lỗ ở huyện Phong Điền với 22 ha và 5 ha vùng sản xuất hữu cơ được xác nhận PGS (Participatory Guarantee System - Hệ thống đảm bảo cùng tham gia) ở HTX NN Phú Mỹ, huyện Phú Vang.

Thông qua tham vấn chuyên gia Sở NN & PTNT tỉnh Thừa Thiên Huế, nghiên cứu lựa chọn xã Phong Hiền, huyện Phong Điền để khảo sát vì đây là khu vực không chỉ canh tác lúa hữu cơ theo hợp đồng cung ứng cho các công ty liên kết mà còn xây dựng được thương hiệu gạo hữu cơ riêng cho địa phương. Sau khi cung ứng gạo hữu cơ cho các đối tác ký kết, lượng lúa hữu cơ còn lại được HTX NN An Lỗ thu mua, chế biến, bảo quản và bán ra thị trường với thương hiệu “gạo hữu cơ Phong Điền”. Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu Giám đốc HTX NN An Lỗ, một nông dân tâm huyết từ những ngày đầu tiên địa phương tiến hành chuyển đổi từ sản xuất lúa truyền thống sang lúa hữu cơ. Các câu hỏi mở được đưa ra về quá trình chuyển đổi canh tác, cách thức lựa chọn nông hộ tham gia, kỹ thuật canh tác lúa hữu cơ, quá trình chăm sóc và thu hoạch, giá bán và sản lượng lúa hữu cơ, những thuận lợi và khó khăn mà nông dân gặp phải từ khi bắt đầu chuyển đổi đến nay. Theo thống kê của HTX NN An Lỗ, hiện có 104 hộ dân tham

gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn xã Phong Hiền. Thông tin thu thập được sử dụng để thiết kế bảng hỏi cấu trúc và tiến hành điều tra nông hộ. Theo Yamane Taro, ước lượng cỡ mẫu điều tra khi biết quy mô tổng thể được tính theo công thức sau [31]:

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2} \quad (1)$$

trong đó: n: cỡ mẫu điều tra; N: đơn vị tổng thể; e: % sai số cho phép. Với sai số cho phép là 5%, nghiên cứu khảo sát ngẫu nhiên 85 hộ từ danh sách do HTX NN An Lỗ cung cấp. Nghiên cứu sử dụng phiếu khảo sát được phát triển dựa trên tổng quan tài liệu, thảo luận với các chuyên gia và phỏng vấn thử. Bảng hỏi được thiết kế nhằm thu thập các thông tin như đặc điểm nhân khẩu học (giới tính, độ tuổi, thu nhập, trình độ học vấn), đặc điểm hoạt động sản xuất lúa hữu cơ (diện tích, kinh nghiệm trồng lúa), các thông tin liên quan đến chi phí sản xuất, năng suất, sản lượng, giá thành và đánh giá của nông hộ về quá trình thực hiện hoạt động sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ. Đại diện nông hộ có kinh nghiệm trồng lúa hữu cơ được mời tham gia khảo sát.

3.2 Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế của nông hộ tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ

Ở miền Trung, sản xuất lúa được thực hiện 2 vụ/ năm và diện tích gieo trồng đo lường theo đơn vị sào, tương ứng với 500 m². Các chỉ tiêu về kết quả sản xuất được tính bình quân trên sào như tổng chi phí, doanh thu, thu nhập, lợi nhuận được đưa vào phân tích. Trong đó, thu nhập được hiểu là chênh lệch giữa doanh thu và tổng chi phí (không tính lao động gia đình). Lợi nhuận được tính là phần lãi mà nông hộ nhận được sau khi trừ đi tất cả chi phí sản xuất (có công lao động gia đình). Các chỉ tiêu tài chính như doanh thu/ tổng chi phí, lợi nhuận/ tổng chi phí, lợi nhuận/ doanh thu, lợi nhuận/ lao động gia đình được sử dụng để đánh giá hiệu quả kinh tế của nông hộ khi tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ. Thang đo Likert 5 mức độ với “1: rất không đồng ý đến 5: rất đồng ý” với các nhận định được đưa ra nhằm đo lường mức độ đánh giá của hộ dân về toàn bộ quá trình chuyển đổi từ lúa truyền thống sang hữu cơ.

Ứng dụng hồi quy phân vị phân tích các yếu tố ảnh hưởng hiệu quả kinh tế của nông hộ

Hồi quy phân vị (Quantile Regression) được Koenker và Bassett phát triển năm 1978 nhằm ước lượng tham số hồi quy trên từng phân vị của biến phụ thuộc sao cho tổng chênh lệch tuyệt đối của hàm hồi quy tại phân vị τ của biến phụ thuộc là nhỏ nhất [32]. So với hồi quy OLS, hồi quy phân vị có tính ổn định hơn và không bị ảnh hưởng bởi các quan sát bất thường. Phương pháp hồi quy phân vị được sử dụng để xác định chênh lệch về doanh thu cả năm trên sào giữa các nhóm nông hộ tham gia sản xuất lúa hữu cơ theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hàm phân vị tuyến tính Y theo X ở phân vị $\tau \in (0,1)$ có dạng:

$$Y_{\tau} = \beta_{\tau} X_i. \quad (2)$$

trong đó: Y là doanh thu cả năm trên sào từ hoạt động sản xuất lúa hữu cơ theo hợp đồng; X_i là các biến giải thích (chi tiết được trình bày ở Bảng 1); β_{τ} là hệ số hồi quy cần ước lượng tại phân vị τ , tham số β_{τ} được chọn sao cho tổng chênh lệch sai số ở phân vị τ nhỏ nhất.

Trong nghiên cứu này, mô hình hồi quy OLS và hồi quy phân vị được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của chi phí (gồm chi phí bằng tiền và lao động gia đình tính trên sào), đặc điểm sản xuất (gồm quy mô sản xuất, thành viên HTX), và đặc điểm nhân khẩu học (gồm giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm trồng lúa) đến doanh thu cả năm trên sào của nông hộ tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ theo các phân vị. Nghiên cứu lựa chọn các phân vị 25%; 50% và 75% để xác định tác động của từng biến độc lập đến biến phụ thuộc ở từng phân vị khác nhau nhằm đưa ra các đề xuất và giải pháp phù hợp với các đối tượng tham gia. Dựa trên kết quả phân tích thống kê mô tả (Bảng 1) cho thấy, trình độ học vấn của nông hộ không cao, đa số ở bậc trung học cơ sở chiếm 44,71%, số lượng chủ hộ là nữ tham gia khá lớn với 34,12%, lao động trên 55 tuổi chiếm 41,18% và trên 71% hộ tham gia có kinh nghiệm trồng lúa dưới 10 năm.

Bảng 1. Mô tả các biến và đặc điểm của mẫu khảo sát

| Biến nghiên cứu | | Mô tả | GTTB | Độ lệch chuẩn |
|-------------------------------|---|---|-------|---------------|
| Tổng chi phí sản xuất | Chi phí bằng tiền | Các chi phí dịch vụ do HTX NN cung cấp như: sức kéo, giống và cấy bằng máy, thủy lợi, bảo vệ thực vật, chuyên giao kỹ thuật và điều hành sản xuất, thu nội đồng, phân bón, thu hoạch (tính bằng triệu đồng/ sào). | 2,179 | 0,03 |
| | Lao động gia đình | Tiền công lao động gia đình cho hoạt động bón phân, nhổ cỏ, bắt ốc, ... (tính bằng triệu đồng/ sào). | 1,279 | 0,03 |
| Đặc điểm sản xuất | Quy mô sản xuất | = 1 nếu quy mô của hộ dưới 1.000 m ² ; = 2 nếu từ 1.000 đến dưới 2.000 m ² ; = 3 nếu từ 2.000 đến dưới 3.000 m ² ; = 4 nếu từ 3.000 m ² trở lên. | 2,329 | 0,714 |
| | Thành viên HTX | = 1 nếu thành viên của HTX và = 0 nếu không tham gia HTX. | 0,482 | 0,503 |
| Đặc điểm nhân khẩu học | Giới tính | = 0 nếu là nam và = 1 nếu là nữ. | 0,341 | 0,477 |
| | Độ tuổi | = 1 nếu hộ từ 25 – 35 tuổi; = 2 nếu từ 36 – 45 tuổi; = 3 nếu từ 46 – 55 tuổi; = 4 nếu trên 55 tuổi. | 3,259 | 0,71 |
| | Học vấn | = 1 nếu hộ không biết chữ hoặc học đến tiểu học; = 2 nếu trung học cơ sở; = 3 nếu trung học phổ thông; = 4 nếu cao đẳng, đại học. | 1,859 | 0,804 |
| | Kinh nghiệm | = 1 nếu kinh nghiệm trồng lúa nhỏ hơn 5 năm; = 2 nếu từ 5 – dưới 10 năm; = 3 nếu từ 10 – dưới 15 năm; = 4 nếu từ 15 – 20 năm; = 5 nếu trên 20 năm. | 2,082 | 1,049 |
| Doanh thu cả năm | Doanh thu cả năm từ sản xuất lúa hữu cơ theo hợp đồng ở vụ Đông Xuân và Hè Thu (tính bằng triệu đồng/ sào). | | 4,158 | 0,092 |

Ghi chú: Số quan sát là 85 mẫu

Nguồn: Số liệu điều tra, 2023

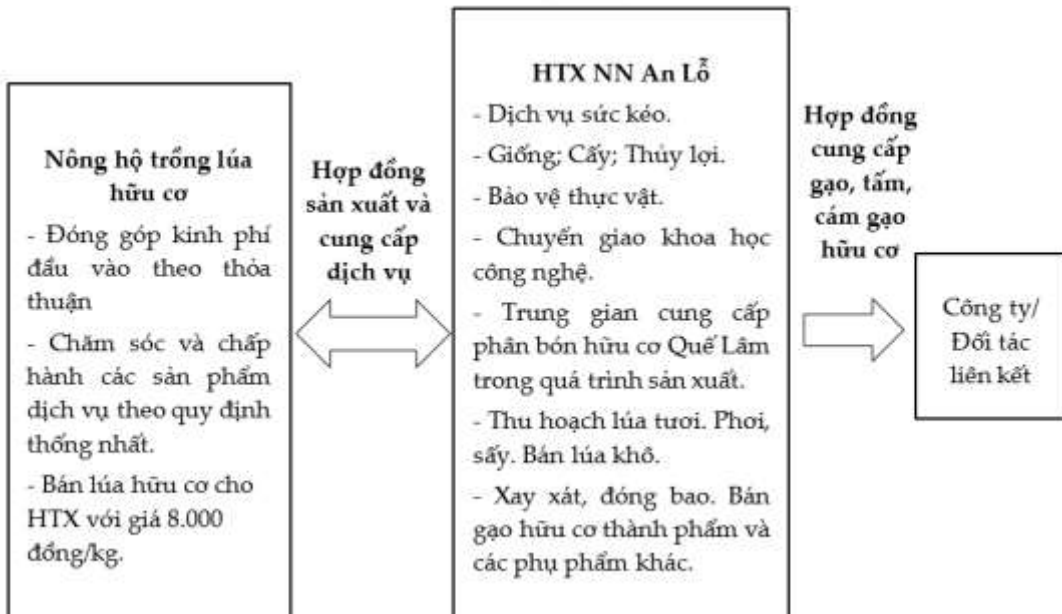
4 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1 Thực trạng triển khai hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ ở xã Phong Hiền, huyện Phong Điền

UBND xã Phong Hiền quy hoạch vùng đất chuyên sản xuất lúa hữu cơ từ năm 2016. Những cánh đồng liền khoảnh được lấy mẫu đất và nguồn nước đem kiểm nghiệm nhằm đảm bảo không bị ô nhiễm. Để bao tiêu hoạt động sản xuất lúa hữu cơ, HTX NN An Lỗ đầu tư hơn 300 triệu đồng mua máy gặt đập liên hợp, máy làm cỏ, máy sục bùn, xây dựng kho bãi, sân phơi và các dụng cụ lao động khác từ năm 2017. Đến năm 2020, gạo hữu cơ Phong Điền được tổ chức FAO công nhận sản phẩm gạo hữu cơ đạt tiêu chuẩn hữu cơ TCVN 11041-2:2017, HTX đầu tư tiếp 300 triệu đồng mua máy cày và 400 triệu đồng mua máy cấy từ nguồn vốn vay ngân hàng NN & PTNT với lãi suất 8%/ năm. Cuối năm 2023, HTX đã trả hết các khoản vay. Để có nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất lúa hữu cơ, HTX thành lập tổ sản xuất gồm 15 lao động phổ thông, chuyên thực hiện các dịch vụ như sức kéo, làm giá thể, chuẩn bị cây giống, cấy lúa bằng máy, cung cấp nước tưới theo chu kỳ sinh trưởng, cung cấp phân bón hữu cơ Quế Lâm, bảo vệ thực vật, chuyển giao khoa học công nghệ, thu hoạch lúa, các công đoạn chế biến và bảo quản gạo hữu cơ. HTX NN An Lỗ đóng vai trò quan trọng trong hỗ trợ nông hộ chuyển đổi sản xuất, ký hợp đồng sản xuất và cung cấp dịch vụ với từng hộ nông dân và hợp đồng cung cấp gạo hữu cơ cho các đối tác (Hình 1).

HTX NN An Lỗ lên kế hoạch cung ứng các dịch vụ sản xuất cho vụ Đông Xuân và Hè Thu năm 2023–2024 (Bảng 2) và tiến hành ký hợp đồng sản xuất với từng hộ, cung cấp giá thành của từng dịch vụ cũng như cam kết mức giá thu mua ngay từ đầu tháng 12 năm 2023.

Mạng xã hội được HTX lựa chọn là kênh liên lạc để thông báo thông tin các hoạt động đến



Hình 1. Vai trò trung gian của HTX NN trong hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ ở xã Phong Hiền

Nguồn: Số liệu điều tra, 2023

Bảng 2. Kế hoạch sản xuất lúa hữu cơ tại HTX NN An Lỗ năm 2023–2024

| Lúa hữu cơ | Vụ Đông Xuân | Vụ Hè Thu |
|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Thời gian gieo | 10/01/2024 | 25/05/2024 |
| Thời gian thu hoạch | 06/05/2024 | 30/08/2024 |
| Thời gian gieo trồng | 120 ± 5 ngày | 120 ± 5 ngày |
| Giống lúa | HG12, DT39 | HG12, DT39 |
| Thời gian phục vụ | 10/12/2023 – 30/04/2024 | 15/05/2024 – 15/09/2024 |
| Thời gian thu tiền dịch vụ sức kéo | 12/12/2023 – 20/12/2023 | 10/05/2024 – 15/05/2024 |
| Thời gian thu các khoản dịch vụ khác | 15/06/2024 – 30/06/2024 | 01/09/2024 – 15/09/2024 |

Nguồn: Số liệu điều tra, 2023

từng hộ tham gia. Ở mỗi vụ, HTX thông báo thời gian tiến hành cung cấp lịch làm đất, thủy lợi, phun thuốc, nhận phân bón hữu cơ. Hộ dân tiến hành ký nhận theo lịch HTX đưa ra và tiến hành thanh toán sau khi thu hoạch. Nếu nông dân không thanh toán đúng hạn thì HTX sẽ tính lãi suất 15%/ năm. Do đó, nông hộ trồng lúa hữu cơ không phải chi trả nhiều cho yếu tố đầu vào, tất cả được thông báo rõ ràng để nông dân thuận tiện trong việc lên kế hoạch thực hiện. Trước thời gian thu hoạch, đại diện công ty ký hợp đồng sản xuất và HTX tiến hành lấy mẫu phân tích chất lượng, đảm bảo lúa hữu cơ đáp ứng tiêu chuẩn đầu ra đã công bố. Lúa tươi được phơi, sấy, xay xát và đóng bao theo đúng quy trình sản xuất đã được công bố. Sau khi thu hoạch, HTX tiến hành phân phối theo đúng thông tin đã ký với từng doanh nghiệp ở đầu vụ (Bảng 3).

Theo thông tin trên hợp đồng ký kết với từng đối tác, giá gạo hữu cơ thành phẩm của HTX NN An Lỗ dao động từ 22.000 đồng/kg đến 23.300 đồng/kg đối với giống HG12. Đặc biệt, công ty TNHH MTV NNHC Quế Lâm do có cơ sở sản xuất, chế biến riêng nên chỉ thu mua lúa khô với giá 8.500 đồng/ kg và chủ động quá trình chế biến, đóng bao thành phẩm. Ngoài một số công ty chủ động đặt hàng, số lượng lúa hữu cơ còn lại được hợp tác xã tiến hành chế biến, đóng gói dưới thương hiệu gạo hữu cơ Phong Điền. Sản phẩm được mang đến chào hàng tại các cơ sở kinh doanh sản phẩm hữu cơ, siêu thị, trường học, nhà hàng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh.

4.2 Hiệu quả kinh tế của nông hộ tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ

Sau khi quy hoạch vùng đất sản xuất lúa hữu cơ ở xã Phong Hiền, nông hộ được tổ chức bốc thăm chia ruộng. Nếu hộ dân được chia ruộng ở vùng quy hoạch trồng lúa hữu cơ của chính quyền địa phương thì hộ đó sẽ chuyển đổi 100% diện tích sang trồng lúa hữu cơ, điều này khác với các địa phương trước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế khi người dân chỉ chuyển đổi từ 40–50% diện tích sản xuất lúa của nông hộ [9, 10]. Điều này cho thấy, công tác quy hoạch vùng sản xuất lúa hữu cơ có cách thức thực hiện khác nhau ở từng địa phương. Nghiên cứu khảo sát ngẫu nhiên 85 hộ từ danh sách 104 hộ do HTX NN An Lỗ cung cấp. Trung bình diện tích đất sản xuất lúa hữu cơ là 3,63 sào/ hộ và đều thực hiện canh tác 2 vụ/ năm. Quy trình sản xuất được HTX thực hiện đồng bộ giữa các thửa ruộng nên năng suất hầu như không có sự chênh lệch giữa

Bảng 3. Thông tin đối tác liên kết tiêu thụ với HTX NN An Lỗ trong năm 2023

| Đối tác | Công ty TNHH MTV Nông nghiệp hữu cơ Quế Lâm | Công ty TNHH Hữu cơ Huế Việt | HTX Nông Lâm nghiệp bền vững và du lịch cộng đồng Bờ Hoàng, Đà Nẵng | Công ty TNHH MTV Co.opmart Huế |
|---------------------|--|---|--|--|
| Sản phẩm liên kết | Lúa khô DT39 | Gạo hữu cơ HG12 | Gạo hữu cơ HG12 Tấm gạo hữu cơ HG12, DT39 Cám gạo hữu cơ HG12 | Gạo hữu cơ HG12 |
| Giá bán | Khối lượng lúa: 5 tấn Đơn giá lúa khô: 8.500 đồng/ kg | Khối lượng gạo: 5 tấn. Gạo được đóng theo bao 50 kg. Đơn giá gạo: 22.000 đồng/ kg | Khối lượng gạo: 11 tấn Đơn giá gạo: 23.300 đồng/kg Khối lượng tấm: 6 tạ Đơn giá: 12.000 đồng/ kg tấm Khối lượng cám: 1,1 tấn Đơn giá: 8.000 đồng/kg cám | Giá bằng hoặc thấp hơn so với các đối tượng khác theo thời điểm đặt hàng |
| Thời gian giao hàng | Theo thỏa thuận | Các ngày trong tuần | Theo thỏa thuận | Theo đơn đặt hàng |
| Địa điểm giao hàng | Theo thỏa thuận | Tại kho của HTX | Tại kho của HTX | Trung tâm thương mại Trường Tiền Plaza |

Nguồn: Số liệu điều tra, 2023

các hộ. Điểm khác biệt duy nhất là công lao động gia đình cho quá trình làm cỏ bằng tay. Nông hộ nào làm cỏ cẩn thận thì cây lúa có điều kiện sinh trưởng tốt, thửa ruộng đó sẽ thu được sản lượng cao. Ngoài ra, do điều kiện thời tiết vụ Hè Thu thường bất lợi nên năng suất lúa không cao bằng vụ Đông Xuân, bình quân vụ Đông Xuân là 2,7 tạ/ sào, Hè Thu là 2,5 tạ/ sào (Bảng 4).

Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, năng suất lúa thông thường ước đạt hơn 64 tạ/ha và được thương lái thu mua với giá 5.800 đồng/ kg [33]. Đối với lúa hữu cơ, năng suất thường thấp hơn so với lúa truyền thống, trung bình với 52 tạ/ ha nhưng mức giá thu mua cao hơn. Dựa trên kết quả phỏng vấn sâu Giám đốc HTX NN An Lỗ biết được, giá thu mua lúa hữu cơ năm 2023 là 8.000 đồng/ kg, cao hơn lúa truyền thống từ 1.500 đến 2.000 đồng/kg nên đem lại lợi nhuận cho nông hộ tham gia. Kết quả này tương đồng với kết luận của Ashok và cs. [23]. Hiện nay, hai giống lúa chủ đạo là DT39, HG12 được HTX NN An Lỗ luân phiên thay đổi sau mỗi vụ nhằm hạn chế sâu bệnh, gia tăng năng suất. Khác với sản xuất lúa truyền thống, lúa hữu cơ sử dụng phương pháp gieo mạ trên khay, dùng máy để cấy, làm cỏ bằng máy hoặc thủ công. Trong quá trình sinh

Bảng 4. Hoạt động sản xuất lúa hữu cơ của các nông hộ điều tra

| Khoản mục | ĐVT | Vụ Đông Xuân | Vụ Hè Thu | Cả năm |
|---------------------|---------|--------------|-----------|--------|
| Diện tích bình quân | sào/ hộ | 3,63 | 3,63 | 7,26 |
| Năng suất | tạ/ sào | 2,7 | 2,5 | 5,2 |
| Sản lượng | tạ/ sào | 9,81 | 9,09 | 18,90 |
| Giá bán | đồng/kg | 8.000 | 8.000 | 8.000 |

Nguồn: Số liệu điều tra, 2023

trường chỉ sử dụng phân hữu cơ Quế Lâm và thuốc bảo vệ thực vật là các chế phẩm sinh học bằng thảo mộc. Phương pháp cấy bằng máy giúp đảm bảo độ sâu đồng đều giữa các cây lúa, dao động từ 5–6 mm. Nếu cấy bằng tay sẽ làm cây lúa phát triển chậm khi lúa được cấy quá sâu hoặc quá nông. Lúa cấy bằng máy thành hàng giúp tăng khả năng quang hợp, hấp thu chất dinh dưỡng từ đất có ủ phân hữu cơ.

Trước mỗi vụ, HTX chủ động chuẩn bị giá thể, ươm giống để đảm bảo cấy lúa đúng thời vụ đề ra, trung bình mỗi vụ cần 5 kg giống/ sào với mức giá là 16.000 đồng/kg. Phân hữu cơ vi sinh, khoáng hữu cơ tự nhiên và phân bón lá Biotech được cung cấp bởi công ty TNHH MTV NNHC Quế Lâm thông qua HTX NN An Lỗ làm đầu mối trung gian. Chi phí mua phân bón hữu cơ ước tính là 395.000 đồng/ sào/ vụ, chiếm khoảng 23% tổng chi phí sản xuất/ sào. Ngoài ra, HTX đảm nhận công tác phun thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học nhằm kiểm soát sâu bệnh trên toàn diện tích canh tác. Đồng thời, HTX cung ứng dịch vụ gặt, sấy lúa, bảo quản, lưu kho, thu mua rơm rạ sau thu hoạch nhằm tăng thu nhập cho từng hộ nông dân. Trước khi bắt đầu vụ Đông Xuân, HTX NN An Lỗ ký hợp đồng sản xuất với từng nông hộ (thời gian hiệu lực của hợp đồng là một năm) cung cấp chi tiết giá cả dịch vụ trọn gói cho cả 2 vụ sản xuất nên chi phí bằng tiền bình quân không có sự thay đổi ở mỗi vụ (Bảng 5).

Trong quá trình sản xuất lúa hữu cơ, nông hộ chỉ tham gia vào hoạt động theo dõi máy khi

Bảng 5. Chi phí sản xuất lúa hữu cơ theo hình thức hợp đồng sản xuất và cung cấp dịch vụ

ĐVT: triệu đồng/ sào¹

| Khoản mục | Vụ Đông Xuân | Vụ Hè Thu | Cả năm |
|--|--------------|--------------|--------------|
| I. Chi phí bằng tiền | 1,085 | 1,085 | 2,170 |
| Giống lúa và cấy lúa | 0,265 | 0,265 | 0,53 |
| Sức kéo | 0,161 | 0,161 | 0,322 |
| Thủy lợi | 0,082 | 0,082 | 0,164 |
| Bảo vệ thực vật | 0,03 | 0,03 | 0,06 |
| Chuyển giao khoa học, điều hành sản xuất | 0,02 | 0,02 | 0,04 |
| Thu nội đồng | 0,012 | 0,012 | 0,024 |
| Phân hữu cơ vi sinh | 0,075 | 0,075 | 0,15 |
| Khoáng hữu cơ tự nhiên | 0,308 | 0,308 | 0,616 |
| Phân bón lá Biotech | 0,012 | 0,012 | 0,024 |
| Thu hoạch | 0,12 | 0,12 | 0,24 |
| II. Lao động gia đình (bón phân, nhổ cỏ, v.v.) | 0,628 | 0,653 | 1,281 |
| Tổng | 1,713 | 1,738 | 3,451 |

Nguồn: Số liệu điều tra, 2023

¹ sào = 500 m²

xuống ruộng, giữ nước, làm mặt bằng, chịu trách nhiệm ven bờ, “*bồi đường đập muội*”² để giữ nước và phân bón, thường xuyên theo dõi và kiểm tra thời gian đưa nước vào ruộng, bón phân, nhổ cỏ, bắt ốc. Vụ Hè Thu có chi phí lao động gia đình cao hơn do thời tiết thất thường, nguy cơ cao xuất hiện nhiều sâu bệnh hại lúa, cỏ dại. Do đó, người dân dành nhiều thời gian thăm ruộng, kịp thời phát hiện vấn đề bất thường để báo cáo HTX NN An Lỗ xử lý kịp thời trên toàn bộ diện tích sản xuất. Công lao động gia đình ước tính chiếm khoảng 37% tổng chi phí sản xuất/ sào. Đặc điểm này tương tự mô hình hợp đồng canh tác lúa hữu cơ tại Ấn Độ [21]. Thu nhập ước tính của nông hộ ở vụ Đông Xuân là 1,075 triệu đồng/ sào trong khi chi thu được 0,915 triệu đồng/ sào ở vụ Hè Thu (Bảng 6). Sau khi trừ công lao động gia đình, lợi nhuận vụ Đông Xuân ước đạt khoảng 0,447 triệu đồng/ sào trong khi vụ Hè Thu là 0,262 triệu đồng/ sào. Kết quả này cho thấy, giá bán lúa hữu cơ tỷ lệ thuận với hiệu quả kinh tế của nông hộ, tương tự giống lúa chất lượng cao JO2 được trồng trên địa bàn [33].

Xem xét các chỉ tiêu hiệu quả tài chính ở Bảng 6 cho thấy, tỷ suất doanh thu/ tổng chi phí vụ Đông Xuân cao hơn vụ Hè Thu và đều lớn hơn 1 cho thấy nông hộ trồng lúa hữu cơ đang có lãi. Với 1 đồng chi phí bỏ ra, nông hộ thu được 0,26 đồng lợi nhuận ở vụ Đông Xuân trong khi vụ Hè Thu chỉ thu được 0,15 đồng lợi nhuận. Lý giải cho việc chênh lệch hiệu quả kinh tế giữa 2 vụ là do công lao động gia đình ở vụ Hè Thu cao hơn vụ Đông Xuân. Do đó, khả năng sinh lợi của nông hộ ở vụ Đông Xuân cao hơn vụ Hè Thu, tương ứng với tỷ lệ 21% và 13%. Ngoài chi phí bằng tiền, lao động gia đình chiếm khoảng 37% tổng chi phí hoạt động sản xuất lúa hữu cơ. Ước tính hiệu quả sử dụng lao động gia đình của nông hộ cho thấy, nguồn lực gia đình được sử dụng tốt khi 1 công lao động gia đình trên 500 m² mang lại khoảng 228 nghìn đồng ở vụ Đông Xuân

Bảng 6. Hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng lúa hữu cơ theo hợp đồng (tính bình quân trên sào)

| Khoản mục | ĐVT | Vụ Đông Xuân | Vụ Hè Thu | Cả năm |
|------------------------------|------------------|--------------|-----------|--------|
| Kết quả sản xuất | | | | |
| Doanh thu | triệu đồng | 2,160 | 2,000 | 4,160 |
| Tổng chi phí | triệu đồng | 1,713 | 1,738 | 3,451 |
| Thu nhập | triệu đồng | 1,075 | 0,915 | 1,990 |
| Lợi nhuận | triệu đồng | 0,447 | 0,262 | 0,709 |
| Các chỉ số tài chính | | | | |
| Doanh thu/ Tổng chi phí | lần | 1,26 | 1,17 | 1,21 |
| Lợi nhuận/ Tổng chi phí | lần | 0,26 | 0,15 | 0,21 |
| Lợi nhuận/ Doanh thu | lần | 0,21 | 0,13 | 0,17 |
| Lợi nhuận/ Lao động gia đình | triệu đồng/ công | 0,228 | 0,129 | 0,179 |

Nguồn: Số liệu điều tra, 2023

² *Bồi đường đập muội*: phương ngữ thể hiện công việc kiểm tra và tu bổ đường bao quanh ruộng để giữ nước và phân bón trong quá trình sản xuất lúa của người nông dân.

và 129 nghìn đồng ở vụ Hè Thu. Kết quả này cao hơn nhiều so với kết quả thu được ở tỉnh Vĩnh Long, với 1 ngày công lao động gia đình trên 1.000 m² mang lại 259.353 đồng ở vụ Đông Xuân và 191.698 đồng ở vụ Hè Thu [5]. Nghiên cứu này một lần nữa khẳng định sản xuất lúa hữu cơ theo hợp đồng không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế ở các địa phương có diện tích sản xuất lúa lớn như xã Phú Lương, huyện Phú Vang [10] mà có thể đem lại giá trị kinh tế đối với những hộ có diện tích sản xuất nhỏ như trường hợp của xã Phong Hiền, huyện Phong Điền.

Nhằm xem xét mức độ ảnh hưởng của các yếu tố như chi phí bằng tiền, lao động gia đình, quy mô sản xuất, thành viên HTX và các đặc điểm nhân khẩu học của nông hộ đến doanh thu cả năm trên sào khi tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ, nghiên cứu tiến hành hồi quy OLS và hồi quy phân vị ở mức 25%; 50% và 75% (Bảng 7). Dựa trên kết quả mô hình hồi quy OLS cho thấy, yếu tố chi phí bằng tiền và thành viên HTX vi phạm giả định đa cộng tuyến nên được loại bỏ để đảm bảo sự ổn định của các tham số ước tính và độ tin cậy của mô hình. Quy mô sản xuất và lao động gia đình có ý nghĩa thống kê (Mô hình 1). Như vậy, hộ có doanh thu càng tăng thì càng bị ảnh hưởng dương bởi quy mô và công lao động gia đình đầu tư vào hoạt động sản xuất. Các hộ có doanh thu tăng ngoài việc tuân thủ quy trình sản xuất nghiêm ngặt thì cần phân bổ tốt công chăm sóc, làm cỏ trong quá trình sản xuất, gia tăng sản lượng thu hoạch cả năm.

Mô hình 2 xem xét cụ thể hơn về sự tương tác có thể có giữa một số biến trong mô hình trong mối quan hệ tới doanh thu cả năm trên sào của nông hộ trồng lúa hữu cơ theo hợp đồng, cụ thể là giữa quy mô sản xuất và lao động gia đình. Kết quả hồi quy ở Mô hình 2 cho thấy, trường hợp nông hộ có quy mô sản xuất lúa hữu cơ lớn kết hợp với đầu tư nhiều công chăm sóc

Bảng 7. Các yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu cả năm của nông hộ trồng lúa hữu cơ

| Doanh thu cả năm trên sào | Hồi quy OLS | | Hồi quy phân vị | | |
|--|---------------------|---------------------|-------------------|-------------------|--------------------|
| | Mô hình 1 | Mô hình 2 | Q ₂₅ | Q ₅₀ | Q ₇₅ |
| Giới tính | -0,001 (0,02) | 0,001 (0,02) | -0,014 (0,024) | -0,018 (0,018) | 0,021 (0,029) |
| Độ tuổi | 0,002 (0,015) | 0,002 (0,015) | -0,007 (0,02) | -0,002 (0,014) | 0,02 (0,018) |
| Học vấn | 0,011 (0,015) | 0,014 (0,015) | -0,017 (0,013) | 0,003 (0,015) | 0,047** (0,019) |
| Kinh nghiệm | -0,008 (0,01) | -0,01 (0,01) | -0,011 (0,012) | -0,003 (0,01) | -0,007 (0,011) |
| Lao động gia đình | 0,583* (0,332) | - | - | - | - |
| Quy mô sản xuất | 0,048*** (0,014) | -0,421** (0,209) | -0,289 (0,279) | -0,212 (0,187) | -0,483* (0,252) |
| Quy mô sản xuất * Lao động gia đình | | 0,367*** (0,158) | 0,274 (0,217) | 0,195 (0,145) | 0,4** (0,194) |
| Số quan sát | 85 | 85 | 85 | 85 | 85 |
| Prob > F | < 0,001 | < 0,001 | | | |
| Pseudo R ² | 0,208 | 0,228 | 0,177 | 0,051 | 0,209 |

Ghi chú: sai số chuẩn được đặt trong dấu ngoặc đơn (); *** p < 0,01; ** p < 0,05; * p < 0,1

có tác động tích cực lên doanh thu cả năm trên sào. Đặc biệt, yếu tố quy mô sản xuất kết hợp với lao động gia đình được xác định có ảnh hưởng tích cực đến doanh thu của hộ ở mức phân vị 75%. Việc tận dụng lao động gia đình nhân rồi tham gia quá trình chăm sóc, nhổ cỏ, bắt ốc là một lợi thế khi công việc này có thể được thực hiện bởi những lao động nữ, lớn tuổi. Đối với những hộ đầu tư nhiều công lao động gia đình để chăm sóc, nhổ cỏ, bắt ốc và theo dõi diễn biến sinh trưởng của cây lúa, sản lượng lúa thu được có thể cao hơn so với các hộ khác, dẫn đến doanh thu tăng.

Quy mô sản xuất được ghi nhận có tác động dương đến doanh thu của nông hộ tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ ở mô hình hồi quy OLS nhưng lại có tác động âm khi tính đến yếu tố tương tác giữa quy mô với lao động gia đình. Điều này được lý giải là do toàn bộ hoạt động sản xuất lúa hữu cơ được HTX bao tiêu. Nếu nông hộ chủ quan dựa vào việc hợp tác xã sẽ theo dõi toàn bộ quá trình và không đầu tư nhiều thời gian để nhổ cỏ, bắt ốc trên ruộng của mình thì sẽ gây tác động ngược chiều tới doanh thu chẳng hạn ở mức phân vị 75%. Ở mức phân vị 25% và 50% chưa ghi nhận các yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu cả năm của nông hộ. Tuy nhiên, ở mức phân vị 75%, trình độ học vấn cho thấy có ảnh hưởng tích cực đến doanh thu. Kết quả này cho thấy rằng những hộ có học vấn cao tham gia vào hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ có khả năng đạt được doanh thu cao hơn.

Hiện nay, việc nông hộ chuyển đổi toàn bộ diện tích lúa hiện có sang sản xuất lúa hữu cơ theo hợp đồng là một thách thức cho những hộ có diện tích lớn. Quá trình sản xuất lúa hữu cơ không sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu, trừ cỏ. Khi quy mô sản xuất càng lớn thì chi phí đầu tư bằng tiền càng cao. Đầu năm 2024, HTX NN An Lỗ đã được chuyển giao công nghệ, thiết bị sản xuất phân bón hữu cơ từ rom của Viện nghiên cứu lúa gạo quốc tế (IRRI) và trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế. Sản phẩm phân bón hữu cơ đã được ứng dụng và đưa vào sản xuất trong vụ Đông Xuân năm 2023 – 2024. Nỗ lực này hứa hẹn giúp nông hộ giảm thiểu chi phí mua phân bón hữu cơ, nâng cao hiệu quả kinh tế trong thời gian tới.

4.3 Đánh giá của nông hộ về hình thức tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ nhằm thu thập ý kiến đánh giá của nông hộ về toàn bộ quá trình tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ (Bảng 8).

Qua điều tra, một số nông hộ không hài lòng về cách thức bốc thăm lựa chọn nông hộ tham gia. Với thời gian chuyển đổi canh tác khá dài, yêu cầu sản xuất khắt khe, đầu tư tư liệu sản xuất với giá trị lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại thì việc để từng nông hộ chuyển đổi là rất khó khăn. HTX đã làm tốt vai trò trung gian khi thực hiện chuyển giao khoa học kỹ thuật, cung ứng các yếu tố đầu vào cũng như xử lý kịp thời các vấn đề bất thường xảy ra. Trăn trở mà hộ dân trồng lúa hữu cơ gặp phải trong tiếp cận các yếu tố đầu vào là giá phân bón hữu cơ Quế Lâm quá cao, với 6.000 đồng/kg. Mặt khác, giá thu mua lúa hữu cơ không thay đổi từ năm 2018 đến nay [10]. Theo diễn biến năm 2023, tình hình giá gạo xuất khẩu đang có xu hướng gia tăng, HTX cần tiến hành đàm phán với các doanh nghiệp tăng giá thu mua, tạo động lực cho nông hộ tham gia sản xuất. Trong tương lai, doanh nghiệp cần đưa ra mức giá trong hợp đồng công bằng và ổn định hơn nhằm khuyến khích sự tham gia bền vững của nông hộ. Bên cạnh đó, HTX cần phối hợp với

Bảng 8. Đánh giá của nông hộ về quá trình tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ

| Ý kiến đánh giá | Min | Max | GTTB | Độ lệch chuẩn |
|--|-----|-----|------|---------------|
| Quá trình thực hiện dồn điền đổi thửa, bốc thăm lựa chọn nông hộ tham gia sản xuất lúa hữu cơ được chính quyền địa phương thực hiện công khai. | 2 | 5 | 3,55 | 0,82 |
| Cần nhiều thời gian để chuyển đổi canh tác từ truyền thống sang hữu cơ. | 3 | 5 | 4,40 | 0,54 |
| Việc tiếp cận các yếu tố đầu vào (giống, phân bón, nước tưới, dịch vụ sản xuất, kỹ thuật trồng lúa hữu cơ) dễ dàng. | 2 | 5 | 3,62 | 0,83 |
| Quy trình canh tác lúa hữu cơ được HTX NN An Lỗ ghi chép cẩn thận. | 3 | 5 | 4,04 | 0,66 |
| HTX phối hợp với các sở, ban ngành tổ chức tập huấn kỹ thuật canh tác lúa hữu cơ cho nông hộ. | 3 | 5 | 3,93 | 0,70 |
| Khi có vấn đề bất thường xảy ra, nông hộ được HTX, chính quyền địa phương hỗ trợ kịp thời. | 2 | 5 | 3,81 | 0,73 |
| Việc tìm đầu ra cho lúa hữu cơ rất khó khăn khi người tiêu dùng chưa biết nhiều đến gạo hữu cơ của HTX NN An Lỗ. | 4 | 5 | 4,46 | 0,50 |

Ghi chú: 1 = Rất không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Trung lập; 4 = Đồng ý; 5 = Rất đồng ý

Nguồn: Số liệu điều tra, 2023

Trung tâm Khuyến nông huyện cùng các tổ chức trong và ngoài nước tiến hành các buổi tập huấn kỹ thuật tự ủ phân hữu cơ từ rơm nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất.

Tuy nhiên, trở ngại nhất hiện nay đối với gạo hữu cơ là khâu quảng bá và phát triển thị trường tiêu thụ. Hiện nay, các loại gạo được sản xuất theo phương pháp truyền thống được bày bán ở tỉnh Thừa Thiên Huế chủ yếu được nhập từ hai tập đoàn là Cỏ May và An An. Giá gạo Cỏ May là 180.000 đồng/ 10 kg, tăng từ 25.000 đến 35.000 đồng so với trước kia. Trong khi đó, gạo chất lượng cao JO2 (hay còn gọi là gạo ruộng giống Nhật) được trồng tại xã Phú Hồ, huyện Phú Vang chỉ tăng khoảng 10.000 đồng, từ 145.000 đồng lên 155.000 đồng/10kg [34]. Điều đó cho thấy, giá tăng chủ yếu là những loại gạo nhập từ nơi khác về trong khi giá lúa, gạo do địa phương sản xuất không có biến động đáng kể. So với các loại gạo hữu cơ khác trên thị trường như Quế Lâm, gạo hữu cơ Phong Điền của HTX NN An Lỗ được bán với giá 24.000 đồng/kg ngay tại văn phòng HTX. Mức giá này không cao so với các thương hiệu gạo hữu cơ lâu năm nhưng vẫn ít được người tiêu dùng biết đến. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu dùng thực phẩm hữu cơ tăng cao là cơ hội cho nông hộ trồng lúa hữu cơ. Để tiếp cận với người tiêu dùng nội tỉnh, gạo hữu cơ Phong Điền cần chú trọng vào thị trường truyền thống như chợ, đại lý gạo để xây dựng niềm tin đối với người tiêu dùng.

5 Kết luận và hàm ý chính sách

Thông qua việc ký kết hợp đồng sản xuất, nông hộ trở thành đối tác trong hoạt động kinh doanh sản phẩm lúa hữu cơ và mang lại thu nhập ổn định cho nông hộ tham gia ở xã Phong Hiền, huyện Phong Điền. Sau khi hạch toán các chi phí sản xuất, lợi nhuận bình quân hàng năm của nông hộ đạt 0,709 triệu đồng/ sào. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cả năm cho thấy khả năng sinh lời của nông hộ là 17%. Bên cạnh đó, nông hộ tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ tận dụng được nguồn lao động gia đình với 1 ngày công lao động trung bình mang lại 179 nghìn đồng lợi nhuận trên sào. Kết quả hồi quy ở mức phân vị 75% cho thấy, doanh thu cả năm của hộ khi tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ chịu ảnh hưởng tích cực bởi hai yếu tố là trình độ học vấn và biến tương tác giữa quy mô sản xuất và lao động gia đình. Để nâng cao hiệu quả kinh tế, điều quan trọng là hộ cần kết hợp sử dụng và phân bổ tốt các khoản chi phí, tối ưu hóa chi phí mua phân bón hữu cơ, kết hợp tốt giữa quy mô sản xuất và đầu tư lao động gia đình.

Trên thị trường hiện nay, sản phẩm phân bón của Công ty TNHH MTV Nông nghiệp hữu cơ Quế Lâm được đánh giá có chất lượng rất tốt, khó để tìm thấy sản phẩm khác có chất lượng tương đương. Nhằm giải quyết vấn đề này, UBND tỉnh cần phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hoặc các HTX NN áp dụng công nghệ vi sinh vào xử lý phụ phế phẩm nông nghiệp, tạo ra nguồn phân bón hữu cơ trong nhân dân, bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế của nông hộ. Để khuyến khích nông hộ tham gia HTX, ban quản lý HTX cần lên kế hoạch giảm tiền phí đầu vào của thành viên và hỗ trợ thêm về giá các dịch vụ cho thành viên HTX trong bối cảnh HTX đã đi vào giai đoạn ổn định. Mặt khác, UBND tỉnh cần phối hợp với Sở NN & PTNT tỉnh, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản xây dựng chiến lược quản lý rủi ro, hỗ trợ nông dân ứng phó với các biến động về giá và điều kiện thời tiết. Điều này đóng góp vào tính bền vững lâu dài của việc nông hộ tham gia vào mô hình, thúc đẩy hoạt động kết nối thị trường chuỗi cung ứng thực phẩm hữu cơ.

Hạn chế của nghiên cứu này là chưa thực hiện so sánh nhóm đối chứng là lúa truyền thống trên địa bàn. Trong tương lai, cần có các nghiên cứu so sánh hiệu quả kinh tế của nông hộ tham gia hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ ở các địa bàn khác nhau trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện từ nguồn kinh phí Khoa học công nghệ Đại học Huế, mã số đề tài: DHH2023-06-128. Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2017), Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041:2017, *Nông nghiệp hữu cơ*.
2. Chính phủ (2018), *Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 07 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*. Truy cập tại <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=194092>.
3. Chính phủ (2018), *Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 08 năm 2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ*.
4. Nguyễn Xuân Hồng (2019), *Nông nghiệp hữu cơ: Triển vọng, thách thức và giải pháp*, *Tạp chí Kinh tế nông thôn*. Truy cập tại <https://kinhtenongthon.vn/nong-nghiep-huu-co-trien-vong-thach-thuc-va-giai-phap-post25403.html>. Ngày truy cập: 09/01/2024.
5. Khổng Tiến Dũng (2022), *Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi sản xuất lúa theo hướng hữu cơ tại Đồng bằng sông Cửu Long: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Vĩnh Long và các ngụ ý chính sách*, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Kinh tế và Quản trị kinh doanh*, 17(1), 5–18.
6. Zuhud Rozaki, Triyono, Indardi, Dara Intan Salassa, Restu Budi Nugroho (2020). *Farmers' responses to organic rice farming in Indonesia: Findings from Central Java and South Sulawesi*, *Open Agriculture*, 5, 703–710.
7. Hiệp hội Lương thực Việt Nam. Truy cập tại <https://vietfood.org.vn/>. Ngày truy cập: 05/04/2024
8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế (2023), *Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*.
9. Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Viết Tuân, Lê Văn Nam, Phan Thiện Phước, Nguyễn Thị Ái Vân, Lê Việt Linh, Mai Thu Giang (2020), *Thực trạng hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ ở xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế*, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, 129(3A), 43–55.
10. Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Viết Tuân, Cao Thị Thuyết, Nguyễn Thiện Tâm, Nguyễn Xuân Cảnh, Lê Văn Nam, Lê Việt Linh (2020), *Hiệu quả kinh tế sản xuất lúa hữu cơ theo hợp đồng ở tỉnh Thừa Thiên Huế: Trường hợp nghiên cứu tại xã Phú Lương*, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 18(8), 553–561.
11. Christine Bergman, Mhansi Pandhi (2022), *Organic rice production practices: Effects on grain end-use quality, healthfulness, and safety*, *Foods*, 12(1), 73.
12. Mai Chiếm Tuyền, Phạm Huy, Phạm Xuân Hùng, Nguyễn Đức Kiên, Prapinwadee Sirisupluxana, Isriya Bunyasiri (2023), *Thuộc tính của hợp đồng liên kết trong sản xuất lúa: Nghiên cứu so sánh giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và An Giang*, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 132(5A), 75–100; DOI: 10.26459/hueunijed.v132i5A.7099.
13. FAO (2001), *Contract Farming Partnership for growth*, *Agricultural Services Bulletin* 145.

14. Yuyun Kurnia Lestari, Anggita Tresliyana Suryana (2013), Sustainability of organic rice farming in Indonesia, *PROCEEDING The 10th Hokkaido Indonesia Student Association Scientific Meeting (HISAS 10)*.
15. Trần Thị Thu Trang (2022), Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo hình thức hợp đồng giữa doanh nghiệp và nông hộ, *Tạp chí công sản*. Truy cập tại <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/ngghien-cu/-/2018/825268/mo-hinh-lien-ket-san-xuat%2C-tieu-thu-san-pham-nong-nghiep-theo-hinh-thuc-hop-dong-giua-doanh-nghiep-va-nong-ho.aspx>. Truy cập ngày 31/12/2023.
16. Sununtar Setboonsarng, PingSun Leung, Junning Cai (2006), Contract farming and poverty reduction: The case of organic rice contract farming in Thailand, *ADB Institute Discussion Paper No. 49*.
17. Shinya Ikeda, Ronnie S. Natawidjaja (2022), The sustainability of contract farming with specialized suppliers to modern retailers: Insights from vegetable marketing in Indonesia, *Agriculture*, 12(3), 380; <https://doi.org/10.3390/agriculture12030380>.
18. Elena Viganò, Martina Maccaroni, Selene Righi (2022), Finding the right price: Supply chain contracts as a tool to guarantee sustainable economic viability of organic farms, *International Food and Agribusiness Management Review*, 25(3), DOI: 10.22434/IFAMR2021.0103.
19. Nalun Panpluem, Adnan Mustafa, Xianlei Huang, Shu Wang and Changbin Yin (2019), Measuring the technical efficiency of certified organic rice producing farms in Yasothon Province: Northeast Thailand, *Sustainability*, 11(6974); doi:10.3390/su11246974.
20. Hồ Trọng Phúc & Phạm Xuân Hùng (2023), Dự báo diện tích, năng suất và sản lượng lúa của Việt Nam: áp dụng mô hình ARIMA, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*; Tập 132(5C), 85–104, DOI: 10.26459/hueunijed.v132i5C.7179.
21. Jagdish Kumar & Prakash Kumar K (2008), Contract farming: Problems, prospects and its effect on income and employment, *Agricultural Economics Research Review*, 21, 243–250.
22. Hery Toiba, Arif Yustian Maulana Noor, Moh Shadiqur Rahman, Fitria Dina Riana (2023), Farmers' preference for organic rice contract farming scheme: A discrete choice experiment in Indonesia, *Journal of Environmental Planning and Management*. Truy cập tại <https://doi.org/10.1080/09640568.2023.2269308>.
23. Ashok K. Mishra, Anjani Kumar, Pramod K. Joshi, Alwin D'Souza, Gaurav Tripathi (2018). How can organic rice be a boon to smallholders? Evidence from contract farming in India. *Food Policy*, 75, 147–157.
24. Mai Chiem Tuyen, Prapinwadee Sirisupluxana, Isriya Bunyasiri, Pham Xuan Hung (2021), Rice contract farming in Vietnam: Insights from a qualitative study, *Eng. Proc*, 9, 6. <https://doi.org/10.3390/engproc2021009006>.
25. Tran Quoc Nhan, Yutaka Tomoyuki (2018), Analysis of contract farming between paddy farmers and an agribusiness firm in the Mekong Delta of Vietnam, *The Agricultural Marketing Journal of Japan*, 27(1), 60–67.

26. Hoang Viet (2021), Impact of contract farming on farmers' income in the food value chain: A theoretical analysis and empirical study in Vietnam, *Agriculture*, 11, 797. <https://doi.org/10.3390/agriculture11080797>.
27. La Nguyễn Thùy Dung, Mai Văn Nam (2015), Phân tích hiệu quả tài chính của hộ sản xuất lúa theo mô hình liên kết với doanh nghiệp ở tỉnh An Giang, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Phần D: Khoa học Chính trị, Kinh tế và Pháp luật*, 36 (2015), 92–100.
28. Nguyen Cong Dinh, Takeshi Mizunoya, Vo Hoang Ha, Pham Xuan Hung, Nguyen Quang Tan, Le Thanh An (2023), Factors influencing farmer intentions to scale up organic rice farming: Preliminary findings from the context of agricultural production in Central Vietnam, *Asia-Pacific Journal of Regional Science*, Truy cập tại <https://doi.org/10.1007/s41685-023-00279-6>.
29. Betti Rosita Sari (2011), The analysis of organic rice contract farming in Cambodia: A lesson learned for Indonesia, *JEJAK: Jurnal Ekonomi dan Kebijakan*, 4(1), 34–42. Truy cập tại <https://journal.unnes.ac.id/nju/jejak/article/view/4639/0>.
30. Nguyễn Việt Tuấn (2017), Nghiên cứu phát triển sản xuất và tiêu thụ lúa gạo theo hợp đồng trên địa bàn huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 126(3B), 133–144, doi: 10.26459/hueuni-jard.v126i3B.3937.
31. Yamane Taro (1973), *Statistics: An introductory analysis*. 3rd edition, Harper & Row, New York, 915-919.
32. Koenker, R., & Bassett, J. R. (1978), Regression quantiles, *Econometrica* (Pre-1986), 46(1), 33.
33. Nguyễn Trần Tiểu Phụng, Lê Thị Hồng Phương, Lê Thị Hoa Sen (2022), Hiệu quả sản xuất lúa JO2 tại xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 131(3D), 69–81. Truy cập tại <https://jos.hueuni.edu.vn/index.php/hujos-ard/article/view/6719>.
34. Hàn Đăng (2023), Thị trường lúa, gạo Huế vẫn trong tầm kiểm soát, *Báo Thừa Thiên Huế Online*. Truy cập tại <https://baothuathienhue.vn/kinh-te/thong-tin-thi-truong/thi-truong-lua-gao-hue-van-trong-tam-kiem-soat-131041.html>. Ngày truy cập: 06/01/2024.